

Số: 1418948

|                                            | Kia Carnival 2.2D Premium (8 chỗ) | Peugeot 5008 GT          |
|--------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.279.000.000đ</b>             | <b>1.209.000.000đ</b>    |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                   |                          |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 5155 x 1995 x 1775                | 4670 x 1855 x 1655       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 3090                              | 2840                     |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5800                              | 5400                     |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 172                               | 165                      |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 2080                              | 1570                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2800                              | 2200                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 1139 - 4110                       | 702                      |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 72                                | 56                       |
| Số chỗ ngồi                                | 8                                 | 7                        |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                  | SX-LR trong nước         |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                   |                          |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                  | 1.6L Turbo High Pressure |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                              | 1599                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 199 / 3800                        | 165 @ 6000               |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440 / 1750-2750                   | 245 @ 1400 - 4000        |
| Hộp số                                     | 8AT                               | 6AT                      |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                   | Cầu trước (FWD)          |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                        | Độc lập Mc Pherson       |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                  | Bán độc lập              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                               | Đĩa                      |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                               | Đĩa                      |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                        | 235/50 R19               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.86                              | 11,52                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.87                              | 7,07                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.98                              | 8,69                     |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport/Smart            | Normal/Sport/Manual      |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                   |                          |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                     | LED Projector            |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                 | ●                        |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                 | ●                        |
| Đèn sương mù                               | LED                               |                          |
| Cụm đèn sau                                | LED                               | LED                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                 | ●                        |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                 | ●                        |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                   |                          |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                 | ●                        |
| Chất liệu ghế                              | Da                                | Da Claudia Habana        |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                 | ●                        |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                 | ●                        |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                 | ●                        |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                                 |                          |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                                 | ●                        |

|                                         |                  |              |
|-----------------------------------------|------------------|--------------|
| Kính cửa sổ chỉnh điện                  | ●                | ●            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin           | 12.3             | Digital 12.3 |
| Màn hình giải trí trung tâm             | 12.3             | AVN 10       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | ●                | ●            |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●                | ●            |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 3                | 2            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●                | ●            |
| Chìa khóa thông minh                    | ●                | ●            |
| Khởi động nút bấm                       | ●                | ●            |
| Khởi động từ xa                         | ●                |              |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa            | 10 loa       |
| Lấy chuyển số                           | ●                | ●            |
| Sạc không dây Qi                        | ●                | ●            |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●                | ●            |
| Giữ phanh tự động Autohold              | ●                |              |
| Rèm che nắng                            | ● ( hàng 2 và 3) |              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●                | ●            |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                  |              |
| Số túi khí                              | 7                | 6            |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                | ●            |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                | ●            |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●                | ●            |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                | ●            |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                | ●            |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                | ●            |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau      | Trước & sau  |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●                | ●            |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                | ●            |
| Camera lùi                              | ●(Camera 360)    | ●            |